

THU NHẬP VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ THAM GIA HOẠT ĐỘNG LÀNG NGHỀ Ở TỈNH BẠC LIÊU

MAI VĂN NAM*

Nghiên cứu nhằm đánh giá thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các nông hộ tham gia hoạt động làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu. Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là: Phân tích thống kê, phân tích lợi ích chi phí (CBA), và phân tích hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nông hộ tham gia làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu giúp tăng việc làm, tăng thu nhập. Tuy nhiên, những khó khăn lớn nhất hiện nay các làng nghề ở địa phương gặp phải là thiếu vốn cho sản xuất, đầu ra sản phẩm làng nghề không ổn định, thiếu nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, trình độ tay nghề lao động không cao, và thiếu trang thiết bị phục vụ nghề. Vì vậy, các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh hiện nay cần phải có những giải pháp tháo gỡ những khó khăn, tồn tại: (1) Về đào tạo nguồn lao động: Lao động làng nghề, nghề thủ công, tiểu thủ công thường xuyên nâng cao tay nghề, kỹ năng lao động mang tính chuyên nghiệp để thực hiện các mẫu mã mới, phát triển sản phẩm nhằm tạo thị trường ổn định và có việc làm thường xuyên; (2) Về vốn: Cần hỗ trợ các dự án phát triển làng nghề, giúp cho các làng nghề, nghề thủ công đủ vốn đầu tư phát triển sản xuất, với các hình thức thích hợp như đề nghị các ngân hàng thương mại cho vay tín chấp, áp dụng các chính sách ưu đãi lãi suất đối với các làng nghề truyền thống, nghề thủ công thu hút nhiều lao động.

Từ khóa: Thu nhập, nông hộ, lao động, làng nghề

1. Đặt vấn đề

Sự hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống ở Bạc Liêu đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ, góp phần giải quyết việc làm cho nhiều người lao động, thu nhập của lao động tham gia vào các làng nghề tăng gấp 3 – 4 lần so với khoản thu nhập mà họ chỉ duy nhất làm nông nghiệp. Khảo sát thực tế cho thấy tỉ lệ hộ nghèo ở các khu vực có làng nghề thấp hơn khoảng 3 lần so với tỉ lệ hộ nghèo bình quân trong cả nước. Các làng nghề thủ công đã và đang khẳng định vị trí của mình trong thị trường du lịch vốn ngày càng sôi động. Với đặc điểm là vùng sông nước, các làng nghề ở Bạc Liêu đã góp phần rất lớn vào việc phản ánh cuộc sống gắn liền với phát triển nông thôn của người dân

ở Bạc Liêu. Cho nên, đề tài nghiên cứu thu nhập và giải pháp nâng cao thu nhập của nông hộ tham gia hoạt động làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu là cần thiết.

2. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

Vùng nghiên cứu và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, chủ yếu ở huyện Hồng Dân, Phước Long, Đông Hải và thành phố Bạc Liêu từ tháng 6/2009 – 5/2011.

Nội dung và đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thu nhập, các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các nông hộ hoạt động làng nghề và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ làng nghề chủ yếu (3 làng nghề đã được công nhận đến năm 2010 gồm: Làng

*PGS. TS, Trường Đại học Cần Thơ.

Email: mvnam@ctu.ctu.vn

nghe mộc gia dụng, làng nghề đan lát, làng nghề sản xuất muối và 4 làng nghề đang làm thủ tục công nhận gồm làng nghề dệt chiếu, làng nghề làm bánh tráng, làng nghề rèn, làng nghề chằm lá), hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong thời gian qua.

Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng trên cơ sở hệ thống bảng câu hỏi soạn trước để phỏng vấn các hộ gia đình ở các làng nghề chủ yếu tập trung ở 3 huyện: Hồng Dân, Phước Long và Đông Hải, vì các huyện này tập trung các làng nghề của Bạc Liêu. Thời gian thu thập số liệu từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2011. Cỡ mẫu sử dụng trong nghiên cứu gồm 237 mẫu phỏng vấn thực tế các hộ tham gia hoạt động làng nghề, nông hộ ngoài làng nghề với cơ cấu mẫu như sau: Làng nghề mộc gia dụng (31 mẫu); làng nghề dệt chiếu (32 mẫu); làng nghề bánh tráng (8 mẫu); làng nghề rèn (5 mẫu); làng nghề chằm lá (16 mẫu); làng nghề đan lát (30 mẫu); làng nghề muối (35 mẫu).

Phương pháp phân tích: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê như so sánh, kiểm định thống kê (kiểm định t); phương pháp phân tích chi phí lợi ích; phương pháp phân tích mô hình hồi quy đa biến để phân tích thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tham gia hoạt động làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề ở Bạc Liêu

3.1.1. Phân tích hiệu quả tài chính

- Doanh thu trên hộ

Kết quả nghiên cứu cho thấy doanh thu bình quân hộ là 121.245,43 nghìn đồng. Tuy nhiên quy mô sản xuất còn phụ thuộc vào tính chất hộ tham gia làng nghề là hộ chuyên hay hộ kiêm, cụ thể với hộ chuyên thì doanh thu trung bình sẽ cao hơn (bình quân 172.132,69 nghìn đồng/hộ) do đây là hoạt động duy nhất tạo nguồn thu nhập chính cho hộ và với hộ sản xuất là hộ kiêm thì doanh thu sẽ thấp hơn (bình quân là 57.165,19 nghìn đồng/hộ) do với hộ kiêm thì hoạt động làng nghề chỉ là hoạt động phụ để tạo thêm thu nhập khi nhàn rỗi. Các làng nghề có quy mô lớn như nghề mộc gia dụng (bình quân

275.125,48 nghìn đồng/hộ), làng nghề rèn (bình quân 224.820 nghìn đồng/hộ) do những làng nghề này có giá trị sản phẩm làm ra bán giá cao và sản xuất nhiều. Một số làng nghề có quy mô nhỏ như bánh tráng (doanh thu bình quân trên hộ là 41.977,88 nghìn đồng), dệt chiếu (bình quân 49.237,50 nghìn đồng/hộ) và đan lát doanh thu bình quân là 49.944,33 nghìn đồng/hộ, đây là những làng nghề có giá trị sản phẩm làm ra bán với giá không cao và sản phẩm làm ra ít. Giữa các làng nghề được công nhận và các làng nghề chưa được tỉnh công nhận có sự khác biệt nhau về doanh thu. Với những làng nghề được công nhận (mộc gia dụng và đan lát) thì trung bình doanh thu của các hộ 2 làng nghề này là 164.380,66 nghìn đồng, còn những làng nghề chưa được công nhận thì doanh thu trung bình hộ thấp hơn (doanh thu trung bình 78.110,21 nghìn đồng).

Kết quả nghiên cứu cho thấy doanh thu của hộ chia thành 2 nhóm là nhóm hộ có doanh thu cao và nhóm hộ có doanh thu thấp. Nếu doanh thu của hộ lớn hơn doanh thu trung bình thì gọi là doanh thu cao, ngược lại thì gọi là doanh thu thấp. Kết quả kiểm định (kiểm định t, Sig. = 0,000) cho thấy, có sự khác biệt về doanh thu giữa hai nhóm này, hệ số các biến độc lập có với mức ý nghĩa đều dương nên số lao động của hộ càng cao, hộ làng nghề là hộ chuyên, làng nghề đã được tỉnh công nhận, số mặt hàng sản xuất càng nhiều, vốn sản xuất càng lớn thì doanh thu của hộ sản xuất có khả năng càng cao. Tuy nhiên các yếu tố tổng số lao động, hộ chuyên, làng nghề đã được tỉnh công nhận đóng vai trò quan trọng trong việc tăng doanh thu của hộ.

- Chi phí trên hộ

Với những làng nghề có doanh thu cao thì theo đó là yếu tố chi phí sản xuất cũng tăng. Chẳng hạn, với làng nghề mộc gia dụng có doanh thu cao nhất thì chi phí hoạt động trung bình hộ tham gia nghề này cũng tăng theo (bình quân 250.150,54 nghìn đồng/hộ). Tương tự vậy, với làng nghề rèn chi phí bình quân hộ cũng tương đối cao (bình quân 206.733,67 nghìn đồng/hộ). Ngược lại, các làng nghề còn lại (bánh tráng, dệt chiếu và đan lát) doanh thu không cao nên đi kèm theo đó chi phí cũng giảm tương ứng.

Bảng 1. Các chỉ tiêu tài chính của hộ sản xuất làng nghề

Chỉ tiêu	ĐVT	Chung	Mộc gia dụng	Đan lát	Dệt chiếu	Chăm lá	Bánh tráng	Rèn	Muối
1. Doanh thu/hộ/năm	1.000đ	121.245,43	275.125,48	49.944,33	49.237,50	108.075,00	41.977,88	224.820,00	39.412,00
2. Chi phí/hộ/năm	1.000đ	113.366,74	250.150,54	51.993,09	44.534,85	106.936,14	43.315,21	206.733,67	26.104,0
3. Lợi nhuận/ hộ/năm	1.000đ	7.878,69	24.974,95	-2.048,75	4.702,65	1.138,86	-1.337,33	18.086,33	13.308,0
4. Thu nhập/hộ/năm	1.000đ	38.593,06	89.145,53	15.761,85	19.608,90	26.210,58	14.562,67	61.726,33	23.408
6. Thu nhập/ lao động/năm	1.000đ	11.673,05	24.177,70	5.592,08	7.649,82	6.721,54	10.143,70	14.670,43	10.799
7. Thu nhập/ doanh thu	Lần	0,36	0,42	0,34	0,39	0,28	0,34	0,28	0,59
8. Thu nhập/ Chi phí	Lần	0,38	0,46	0,32	0,44	0,3	0,33	0,3	0,91
9. Thu nhập/ vốn	Lần	8,29	4,32	10,57	6,26	16,92	10,53	1,1	0,94
10. Lợi nhuận/ Chi phí	Lần	0,04	0,08	-0,06	0,1	0,05	-0,02	0,09	0,5

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2009-2011

- Lợi nhuận trên hộ

Số liệu điều tra cho thấy sau khi trừ mọi khoản chi phí lợi nhuận bình quân của các làng nghề là 7.878,69 triệu đồng, trong đó hộ chuyên có lợi nhuận cao hơn (bình quân 13.542,11 nghìn đồng/hộ) và hộ kiêm có lợi nhuận bình quân là 746,98 nghìn đồng/hộ. Lợi nhuận có sự khác nhau giữa các loại làng nghề, cao nhất là làng nghề mộc (lợi nhuận bình quân hộ là 24.974,95 nghìn đồng), làng nghề rèn lợi nhuận bình quân là 18.086,33 nghìn đồng/hộ. Tuy nhiên, vì hoạt động làng nghề chủ yếu là tạo thu nhập cho hộ và khai thác lao động nhà nên chỉ tiêu lợi nhuận không quan trọng, đa số hộ tham gia hoạt động làng nghề “bỏ công làm lời”, nên có những làng nghề khi tính các khoản chi phí (bao gồm cả lao động thuê và lao động nhà) thì lợi nhuận của hộ có thể là âm, cụ thể là làng nghề đan lát (âm 2.048,75 nghìn đồng), làng nghề bánh tráng (âm 1.337,33 nghìn đồng). Nên thay vì sử dụng chỉ tiêu về lợi nhuận thì chỉ tiêu về thu nhập rất quan trọng khi xác định hiệu quả hoạt động của các làng nghề.

Theo nghiên cứu, lợi nhuận của hộ chia thành 2 nhóm là nhóm hộ có lợi nhuận (lợi nhuận dương) và nhóm hộ không có lợi nhuận (lợi nhuận âm hoặc bằng không), kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt về

lợi nhuận giữa nhóm hộ làng nghề có lợi nhuận là âm hoặc hòa vốn và nhóm làng nghề hoạt động có lợi nhuận dương (kiểm định t, Sig. = 0,000), cụ thể có sự khác biệt về tính chất hộ (hộ chuyên và hộ kiêm), số lượng mặt hàng hộ sản xuất ra, vốn lưu động, vốn cố định và tính chất làng nghề (làng nghề đã công nhận và chưa công nhận). Được tính công nhận là yếu tố đặc biệt quan trọng giúp các hộ làng nghề hoạt động có được lợi nhuận. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế tình hình hoạt động của các làng nghề vì những làng nghề địa phương công nhận luôn được sự hỗ trợ của các cơ quan, ban, ngành trong việc hỗ trợ một phần trang thiết bị sản xuất và đào tạo lao động làng nghề.

- Thu nhập trên hộ và thu nhập trên lao động

Đây là chỉ tiêu quan trọng để xác định hiệu quả hoạt động của các làng nghề về mặt kinh tế - xã hội. Thu nhập được xác định bằng doanh thu trừ chi phí sản xuất nhưng trong chi phí sản xuất đó không bao gồm chi phí lao động nhà vì hoạt động của hộ chủ yếu sử dụng lao động khi nhàn rỗi để tạo thu nhập. Kết quả nghiên cứu cho thấy bình quân thu nhập trên hộ của các làng nghề trong tỉnh là 38.593,06 nghìn đồng/hộ/năm, trong đó hộ chuyên có thu nhập cao hơn (bình quân là 54.872,81 nghìn đồng/hộ/năm), và

hộ kiêm thu nhập bình quân là 18.092,64 nghìn đồng/hộ/năm. Trong các làng nghề thì làng nghề mộc gia dụng có thu nhập bình quân hộ là cao nhất (89.145,53 nghìn đồng/hộ/năm), làng nghề rèn có thu nhập bình quân hộ là 61.726,33 nghìn đồng/hộ/năm. Làng nghề bánh tráng có thu nhập bình quân hộ thấp nhất là 14.562,67 nghìn đồng/hộ/năm và làng nghề đan lát là 15.761,85 nghìn đồng/hộ/năm. Giữa các làng nghề được công nhận và các làng nghề chưa được tỉnh công nhận có sự khác biệt nhau về thu nhập trung bình hộ (Sig. = 0,000). Với những làng nghề được công nhận (mộc gia dụng và đan lát) thì thu nhập trung bình hộ là 53.055,19 nghìn đồng, còn những làng nghề chưa được công nhận thì thu nhập trung bình hộ là 24.130,93 nghìn đồng.

Kết quả điều tra cho thấy nếu thu nhập của hộ chia thành 2 nhóm là nhóm hộ có thu nhập cao và nhóm hộ có thu nhập thấp. Dựa vào thống kê mô tả ta tìm ra được thu nhập trung bình. Nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về thu nhập giữa hai nhóm này (kiểm định t, Sig = 0,000), cụ thể có sự khác biệt về tính chất hộ (hộ chuyên và hộ kiêm), số lao động của hộ, vốn lưu động, vốn cố định và tính chất làng nghề (làng nghề đã công nhận và chưa công nhận). Tuy nhiên, các yếu tố hộ chuyên, tổng số lao động, làng nghề đã được tỉnh công nhận đóng vai trò quan trọng trong việc tăng thu nhập cho hộ.

Để xác định hiệu quả hoạt động kinh doanh của các làng nghề, ta cần xác định chỉ tiêu thu nhập bình

quân trên lao động mỗi ngày vì có những làng nghề hoạt động không liên tục xuyên suốt năm nên chúng ta xét thêm chỉ tiêu thu nhập bình quân ngày trên lao động. Qua kết quả nghiên cứu, thu nhập bình quân lao động mỗi ngày của các làng nghề trong tỉnh là 38,024 nghìn đồng. Từ đây cho thấy thu nhập lao động bình quân ngày cao nhất là làng nghề mộc (trung bình 77.070 đồng/ngày/lao động), thấp nhất là làng nghề đan lát (16.879 đồng/ngày/lao động). Như vậy có sự khác biệt về thu nhập của lao động bình quân mỗi ngày giữa các làng nghề. Sở dĩ có sự khác biệt về thu nhập bình quân ngày của lao động là do các yếu tố như loại làng nghề, tính chất làng nghề (hộ chuyên hay hộ kiêm), vốn lưu động, vốn cố định, số lượng mặt hàng hộ sản xuất và số năm kinh nghiệm của hộ tham gia làm nghề. Tuy nhiên, các yếu tố làng nghề đã được tỉnh công nhận và loại làng nghề đóng vai trò quan trọng trong việc tăng thu nhập cho lao động.

- Doanh thu trên lao động

Chỉ tiêu này thể hiện năng suất tạo ra giá trị sản xuất của lao động tham gia làng nghề (bao gồm lao động thuê và lao động nhà). Theo kết quả điều tra, trung bình mỗi lao động của làng nghề tạo ra giá trị sản xuất là 35.473,94 nghìn đồng. Điều này cho thấy những làng nghề có sử dụng yếu tố kỹ thuật trong sản xuất sẽ tạo ra giá trị sản xuất cao hơn so với những làng nghề làm theo phương pháp thủ công. Cụ thể, nghề mộc hiện nay đã sử dụng các yếu tố kỹ thuật cho hoạt động sản xuất như máy cưa, máy bào, máy tiện,

Bảng 2. Thu nhập bình quân của một lao động/một ngày

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Thấp nhất	Lớn nhất	Trung bình
Mộc gia dụng	29,090	154,069	77,070
Đan lát	4,039	32,801	16,879
Dệt chiếu	8,445	45,559	22,465
Chăm lá	6,524	42,180	24,190
Bánh tráng	21,056	45,583	33,698
Rèn	58,647	94,236	73,581
Chung các làng nghề	4,039	154,069	38,024

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2009-2011

máy khoan,... nên có giá trị sản xuất cao nhất 73.485,25 nghìn đồng/lao động. Còn những làng nghề sử dụng công cụ thủ công thì giá trị sản xuất không cao bằng. Chẳng hạn, làng nghề đan đất có giá trị sản xuất trên lao động là 16.853,84 nghìn đồng, làng nghề dệt chiếu có giá trị sản xuất trên lao động là 19.517,03 nghìn đồng.

- Thu nhập trên doanh thu (tỉ suất thu nhập)

Chỉ tiêu này phản ánh thu nhập bình quân hộ sản xuất trong giá bán và chi phí sản xuất trong giá bán của sản phẩm hay trong cơ cấu giá bán sản phẩm làng nghề thì thu nhập của hộ chiếm bao nhiêu phần trăm và chi phí sản xuất chiếm bao nhiêu phần trăm. Kết quả điều tra cho thấy tỉ suất thu nhập bình quân của các làng nghề trong tỉnh là 0,36 (tức 36%), nghĩa là trong cơ cấu giá bán sản phẩm của các làng nghề có 36% là thu nhập của hộ tham gia hoạt động làng nghề, còn lại 64% là các khoản chi phí sản xuất (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, lao động thuê, lãi vay, khấu hao ...). Tỉ suất thu nhập trong giá bán cao nhất là làng nghề mộc 42%. Tỉ suất thu nhập trong giá bán thấp nhất là 28% đối với làng nghề chăm lá và nghề rèn.

- Tỉ suất thu nhập trên chi phí

Tỉ suất thu nhập trên chi phí trung bình chung của 6 làng nghề là 0,38 lần, tức bình quân hộ làng nghề bỏ ra 1.000 đồng chi phí thì sẽ tạo được 380 đồng thu nhập cho hộ, hộ chuyên có hiệu quả sử dụng chi phí cao hơn, cụ thể với hộ chuyên trung bình bỏ ra 1.000 đồng chi phí thì sẽ tạo cho hộ 410 đồng thu nhập, hộ kiêm trung bình bỏ ra 1.000 đồng chi phí chỉ tạo được 350 đồng thu nhập. Trong 7 làng nghề điều tra, thì làng nghề mộc gia dụng có hiệu quả sử dụng chi phí cao nhất với tỉ suất thu nhập trên chi phí là 0,46 lần; làng nghề dệt chiếu là 0,44 lần và các làng nghề còn lại tỉ suất thu nhập trên chi phí từ 0,3 – 0,33 lần.

- Tỉ suất thu nhập trên vốn

Tỉ số này đánh giá hiệu quả và khả năng sinh lời của vốn sản xuất (bao gồm vốn cố định và vốn lưu động). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ suất thu nhập của các làng nghề tỉnh là 8,29 lần. Trong đó, nếu hộ sản xuất là hộ chuyên thì hiệu quả sử dụng vốn sản xuất sẽ cao hơn (10,28 lần) và với hộ kiêm thì tỉ suất thu nhập trên vốn là 5,78 lần. Nghiên cứu cho thấy với những làng nghề có vốn sản xuất lớn, đầu tư

nhiều vào vốn cố định thì tỉ suất thu nhập trên vốn không cao, điều này cho thấy hiệu quả đầu tư vào tài sản cố định tại các làng nghề trong tỉnh chưa cao, cụ thể làng nghề rèn với lượng vốn cố định cao nhất thì tỉ suất này là 0,92 lần; tương tự như vậy, với làng nghề mộc gia dụng lượng vốn cố định trung bình các hộ thấp hơn làng nghề rèn thì tỉ số này là 4,32 lần. Ngược lại, các làng nghề đan đất, chăm lá, bánh tráng, dệt chiếu có lượng vốn cố định trung bình hộ khoảng 1 triệu đồng thì tỉ suất thu nhập trên vốn từ 6,25 đến 16,92 lần. Điều này một lần nữa chứng minh được với các làng nghề đầu tư nhiều vốn cố định thì hiện nay hiệu quả sử dụng vốn này tại các làng nghề trong tỉnh chưa cao.

3.1.2. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của làng nghề

Thu nhập trên lao động (bao gồm lao động nhà và lao động thuê) là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các làng nghề cũng như việc đi làm thuê sẽ tốt hơn hay hộ tham gia hoạt động làng nghề sẽ tốt hơn. Thu nhập bình quân lao động của các làng nghề trong tỉnh là 11.673,05 nghìn đồng/năm, hộ chuyên có thu nhập cao hơn (bình quân 14.465,48 nghìn đồng/hộ) và hộ kiêm thu nhập bình quân trên lao động là 8.156,65 nghìn đồng/năm. Trong đó, làng nghề mộc gia dụng thu nhập bình quân lao động cao nhất 24.177,70 nghìn đồng/năm, làng nghề rèn là 14.670,43 nghìn đồng/hộ/năm, làng nghề đan đất có thu nhập bình quân trên mỗi lao động thấp nhất 5.592,08 nghìn đồng/năm. Kết quả này cho thấy thu nhập hàng tháng bình quân của lao động tham gia hoạt động làng nghề của tỉnh là:

$$\text{Thu nhập lao động/tháng} = \frac{11.673.050}{12} = 972.754 \text{ đồng/tháng} > 891.400 \text{ đồng/tháng}$$

(tiền thuê bình quân tháng của lao động làm thuê cho hộ làng nghề).

Kết quả này cho thấy việc tham gia kinh doanh hoạt động sản xuất làng nghề sẽ tốt hơn lao động địa phương đi làm thuê, nên hoạt động của làng nghề cần khuyến khích phát triển ở các địa phương trong tỉnh.

Kết quả điều tra tại 6 làng nghề trong tỉnh cho thấy hoạt động làng nghề đã tạo công ăn việc làm cho 27,9% số hộ và giải quyết việc làm cho 35,17%

lao động của ấp có hoạt động làng nghề. Bình thường phổ biến có 14,75% hộ thuê lao động với số lao động thuê bình quân là 2,9 lao động thuê/hộ, vào những lúc cao điểm thậm chí có 32,79% hộ thuê lao động với 4,5 lao động thuê/hộ. Từ đây cho thấy hoạt động ở các làng nghề trong tỉnh không chỉ tạo công ăn việc làm cho lao động gia đình mà nó đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động làm thuê, tăng thu nhập cho lao động, đặc biệt là lao động tại địa phương, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, hạn chế việc di cư đến các thành phố lớn, khai thác các nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương, góp phần ổn định trật tự xã hội, giảm bớt các tệ nạn ở địa phương, hoạt động của các làng nghề còn góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập lao động thuê ở các làng nghề trong tỉnh bình quân là 891.400 đồng/người/tháng. Đối với làng nghề mộc gia dụng và làng nghề rèn, thu nhập mỗi lao động thuê khá cao từ 1.285.000 – 1.730.000 đồng/tháng. Đối với làng nghề đan lát, dệt chiếu và chằm lá do thuê lao động khi cần thiết và không thường xuyên nên tiền trả cho mỗi lao động thuê không cao: từ 223.714 – 650.000 đồng/người/tháng. Còn đối với làng nghề làm bánh tráng chỉ sử dụng lao động gia đình nên làng nghề này không có thuê lao động cho hoạt động sản xuất của mình. Tuy thu nhập lao động từ một số làng nghề như đan lát, dệt chiếu và chằm lá là thấp nhất nhưng cũng đã góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo cho người dân và lao động tham gia hoạt động vì với mức thu nhập đó thì các hộ này đã thoát ra khỏi chuẩn nghèo, vì theo quy định ở khu vực nông thôn những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/người/tháng (2.400.000 đồng/người/năm) trở xuống và ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng (dưới 3.120.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo [1].

Hiện nay, các làng nghề ở Bạc Liêu chưa khai thác được thế mạnh, tiềm năng phát triển làng nghề cũng như giải quyết vấn đề đầu ra cho sản phẩm làng nghề. Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu do:

- Chưa có sự bắt tay khai thác của các công ty du lịch trong tỉnh cũng như các công ty du lịch ở các địa phương khác vì đây là một hình thức kết hợp tương

đối mới lạ cũng như chưa thể đầu tư khai thác tốt được do chưa có sự kết nối giữa nhà doanh nghiệp, các cơ quan, ban, ngành, địa phương và người dân làng nghề.

- Chưa được sự quan tâm sâu sắc của địa phương, các cơ quan ban, ngành trong tỉnh trong việc đầu tư hỗ trợ khôi phục các làng nghề truyền thống cũng như chưa quan tâm đúng mức việc thực hiện sự liên kết này.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất của các hộ hoạt động làng nghề còn nghèo nàn lạc hậu, gần 40% hộ làng nghề sử dụng trang thiết bị lạc hậu và 57,4% hộ có trang thiết bị chỉ đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Vì lý do này nên sản phẩm làng nghề vẫn sản xuất theo mẫu cũ, ít được cải tiến, mẫu mã sản phẩm còn nghèo nàn, chưa có tính sáng tạo.

- Hoạt động làng nghề còn phân tán, mang tính tự phát, quy mô nhỏ lẻ, manh mún, trình độ lao động thấp nên khó đáp ứng được đơn đặt hàng với số lượng lớn và yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng, thời gian giao hàng và cũng rất khó liên kết các hộ sản xuất lại với nhau vì các hộ làng nghề hoạt động theo kiểu mạnh ai nấy làm nên điều này cũng là một trở ngại lớn trong việc kết hợp để phát triển làng nghề với du lịch.

- Cơ sở hạ tầng làng nghề, giao thông khó khăn, chủ yếu đường bê tông xe bốn bánh không thể vào được tận làng nghề mà phải đi bằng xe hai bánh, vận chuyển bằng giao thông thủy là chủ yếu. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính gây trở ngại cho việc phát triển du lịch kết hợp làng nghề.

- Phần lớn các hộ gặp khó khăn trong tiếp cận vốn, thiếu sự hỗ trợ về kỹ thuật và tay nghề lao động nên hầu như các hộ làng nghề chỉ sử dụng phương thức sản xuất bằng thủ công, sản phẩm chưa có yếu tố mỹ nghệ thiếu nét đặc trưng của địa phương. Đây là những khó khăn cơ bản dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết vấn đề về đầu ra cho sản phẩm làng nghề. Vì vậy, tỉnh cần phải có giải pháp kịp thời trong thời gian tới, đặc biệt chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, giao thông, kỹ thuật, hỗ trợ vốn, đào tạo lao động cho các làng nghề trong tỉnh.

3.2. Lao động và chất lượng lao động của nông hộ tham gia hoạt động làng nghề

Bảng 3. Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của lao động làng nghề

Đơn vị tính: %

Tiêu chí	Mộc gia dụng	Đan lát	Dệt chiếu	Chằm lá	Bánh tráng	Rèn	Muối	Tổng chung
1. Trình độ học vấn:								
- Không qua trường lớp	0,97	6,98	16,09	4,55	8,33	0,00	32,9	6,65
- Tiểu học	31,07	53,49	40,23	48,48	66,67	22,73	42,7	42,02
- THCS	52,43	30,23	28,74	42,42	25,00	68,18	19,5	40,16
- THPT	15,53	9,30	14,94	4,55	0,00	9,09	4,9	11,17
2. Trình độ chuyên môn:								
- Không qua đào tạo	96,12	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100	98,94
- Sơ cấp	2,91	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,80
- Trung cấp	0,97	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,27
- CĐ – ĐH	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế, 2009-2011

Trình độ học vấn của lao động tại các làng nghề khá thấp, trong tổng số lao động tại các làng nghề điều tra có 6,65% lao động không biết chữ, đến 42,02% lao động có trình độ tiểu học và có 40,16% và 11,17% có trình độ trung học cơ sở và phổ thông. Trong các làng nghề khảo sát thì làng nghề đan lát, dệt chiếu, bánh tráng, chằm lá, chủ yếu lao động tại các làng nghề này có trình độ học vấn tiểu học là phổ biến, đặc biệt làng nghề chiếu có tỉ lệ mù chữ khá cao (16,09%) và đan lát 6,69%; các làng nghề còn lại lao động chủ yếu có trình độ học vấn trung học cơ sở rất phổ biến. Từ kết quả này cho thấy, khó khăn hiện nay các làng nghề đang gặp phải là khả năng tiếp cận với công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động làng nghề, khả năng thiết kế, phát triển sản phẩm, tiếp cận kĩ thuật sản xuất, thông tin thị trường và công tác tổ chức sản xuất.

Xét về trình độ chuyên môn của lao động làng nghề, ta thấy lao động ở các làng nghề trong tỉnh chủ yếu là lao động phổ thông không qua đào tạo, tự học nghề chiếm đến 98,94%, và chỉ có 1,07% lao động, chủ yếu làng nghề mộc gia dụng, được đào tạo sơ cấp và trung cấp chuyên nghiệp nghề với các lớp đào tạo về sơn và chạm gỗ vào cuối năm 2009 từ khi làng nghề này được tỉnh công nhận là làng nghề

truyền thống, tuy nhiên đây là một tỉ lệ rất thấp so với yêu cầu phát triển của các làng nghề trong tỉnh. Theo kết quả điều tra thì có đến 24,6% số hộ trong các làng nghề có nhu cầu đào tạo để phát triển nghề như làng nghề mộc gia dụng, đan lát và dệt chiếu vì với cách làm truyền thống thì sản phẩm làm ra có giá trị không cao, không có nhiều mẫu mã sản phẩm mới. Thực trạng này cho thấy để phát triển tốt các làng nghề truyền thống ở tỉnh hiện nay cần phải chú trọng nhiều đến công tác đào tạo, tập huấn nâng cao tay nghề, kĩ thuật cho lao động, đáp ứng được yêu cầu phát triển từng làng nghề trong tỉnh hiện nay.

3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tham gia hoạt động làng nghề

Thu nhập của hộ được đo lường bằng doanh thu trừ chi phí sản xuất nhưng trong chi phí sản xuất không bao gồm chi phí lao động nhà vì hoạt động của hộ tham gia làng nghề chỉ mang tính bỏ công làm lờn và nhằm tạo thu nhập cho hộ.

Theo kết quả phân tích, có 3 yếu tố trong mô hình hàm hồi quy có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến thu nhập hộ tham gia hoạt động làng nghề như tính chất hộ, số lao động tham gia sản xuất và vốn lưu động.

Bảng 4. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình hồi quy đa biến

Biến độc lập X	Diễn giải
Tính chất hoạt động (X_1)	Biến giả: nhận giá trị 1 nếu là hộ chuyên, nhận giá trị 0 nếu là hộ kiêm.
Lượng mặt hàng (X_2)	Số mặt hàng hộ hoạt động làng nghề sản xuất làm ra.
Lao động (X_3)	Số lượng lao động phổ biến hộ sử dụng (Bao gồm cả lao động nhà và lao động thuê).
Vốn cố định (X_4)	Nguyên giá của các thiết bị, công cụ sản xuất mà hộ có sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất.
Vốn lưu động (X_5)	Số vốn của hộ dùng để mua nguyên liệu sản xuất, ứng trước tiền mua nguyên liệu, sản phẩm chưa tiêu thụ và một số vốn lưu động khác để xoay vòng sản xuất.

Bảng 5. Hệ số ước lượng của các biến trong mô hình hàm thu nhập

Chỉ tiêu	Hệ số b	Mức ý nghĩa (p value)	VIF
Hệ số chặn	-6.342,941	0,3847	
Tính chất hoạt động của hộ (X_1)	12.023,797**	0,0345	1,144
Lượng mặt hàng (X_2)	-2.614,225	0,4415	1,194
Lao động (X_3)	8.074,679***	0,0000	1,280
Vốn cố định (X_4)	-0,476 ^{ns}	0,1135	3,495
Vốn lưu động (X_5)	2,556***	0,0000	3,913
Hệ số xác định $R^2 = 0,6839$			

Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra, năm 2009-2011

Ghi chú: ***: ý nghĩa đến 1%; **: ý nghĩa đến 5%;

Ảnh hưởng của các biến trong mô hình hồi quy đến thu nhập của hộ được giải thích như sau: Tính chất hoạt động của hộ (X_1), với hộ sản xuất là hộ chuyên thì thu nhập trung bình hộ tăng thêm 12.023,797 nghìn đồng trong một năm so với hộ kiêm. Điều này phù hợp với phân tích của các kết quả trước đây cho rằng hộ sản xuất làng nghề là hộ chuyên thì thu nhập cao hơn so với hộ kiêm. Về lao động (X_3), khi số lượng lao động hộ sản xuất làng nghề tăng thêm 1 lao động làm thu nhập của hộ tăng 8.074,679 nghìn đồng mỗi năm. Điều này cho thấy yếu tố lao động đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất của các làng nghề của tỉnh. Về vốn lưu động (X_5), khi vốn lưu động của hộ tăng lên 1.000 đồng sẽ làm tăng trung bình 2,556 nghìn đồng thu nhập cho hộ. Điều này cho thấy đối với các hộ tham

gia hoạt động sản xuất làng nghề nguồn vốn đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất để tăng thu nhập cho hộ, đặc biệt là vốn lưu động.

Các giá trị kiểm định VIF của các biến được đưa vào mô hình đều nhỏ hơn nhiều so với 10, nghĩa là không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra trong mô hình.

3.4. Giải pháp nâng cao thu nhập các nông hộ tham gia hoạt động làng nghề

- *Duy trì và phát triển thêm hệ thống làng nghề mới*: Tiếp tục kiện toàn duy trì, mở rộng quy mô hoạt động và phát triển những làng nghề hiện có của tỉnh. Khôi phục các làng nghề có tiềm năng nhưng đang có nguy cơ mai một dần như làng nghề rèn, làng nghề bánh trắng, làng nghề chằm lá và dệt chiếu. Đây là những làng nghề rất nổi tiếng và đã có

thương hiệu rất lâu đời. Tiếp tục phát triển các làng nghề có lợi thế như mộc gia dụng, đan đất, muối thông qua việc hỗ trợ vốn, thị trường tiêu thụ, đào tạo lao động làm nghề. Bên cạnh đó, để nâng cao thu nhập của người dân tỉnh cần chú trọng khai thác những lợi thế về nguồn nguyên liệu có sẵn của địa phương để phát triển thêm những nghề mới như nghề chăm nón, vá lưới, đan các loại sản phẩm từ cây lục bình, nghề điêu khắc từ nguyên liệu vỏ ốc, sò. Tuy nhiên, việc phát triển làng nghề mới phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh để tạo ra những sản phẩm đặc trưng của địa phương. Đây là yếu tố quan trọng trong việc phát triển làng nghề kết hợp với du lịch.

- *Tổ chức lại khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm làng nghề*: Các làng nghề trong tỉnh hiện nay tồn tại với quy mô nhỏ, phân tán, tự phát, mạnh ai nấy làm do đó chưa có kế hoạch sản xuất, không tìm kiếm cơ hội hợp tác liên doanh, liên kết với nhau để giảm khâu trung gian, giảm giá thành sản phẩm. Vì vậy cần tổ chức lại từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Qua kết quả khảo sát thực tế và ý kiến một số chuyên gia, một số làng nghề ở ĐBSCL đã thực hiện tốt khâu này thông qua sự có mặt của hợp tác xã. Tuy nhiên, vai trò của hợp tác xã chỉ phát huy tốt hiệu quả trong trường hợp ở các làng nghề có trình độ phát triển chưa cao, quy mô sản xuất nhỏ, thiếu vốn, có khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ và người đứng đầu có khả năng quản lý tốt. Vì vậy, để các làng nghề trong tỉnh phát triển tốt cần chú trọng khâu tiêu thụ và tìm đầu ra cho sản phẩm làng nghề thì bóng dáng của hợp tác xã hoặc một tổ chức hay cá nhân có tư cách pháp nhân đóng vai trò rất quan trọng trong khôi phục, phát triển làng nghề và tăng thu nhập cho hộ tham gia hoạt động sản xuất làng nghề, tránh tình trạng mạnh ai nấy làm, bị người mua ép giá gây khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm.

- *Tăng cường công tác đào tạo nghề và tập huấn nâng cao tay nghề*: Hầu hết lao động ở các làng nghề trong tỉnh có trình độ học vấn và chuyên môn rất thấp, chỉ làm nghề thông qua hình thức “cha truyền con nối” hoặc “chuyên tay chỉ nghề” nên đây là một khó khăn và trở ngại cho hoạt động sản xuất tại các làng nghề, nhất là trong vấn đề tiếp cận công nghệ mới, sản phẩm làm ra không đa dạng về chủng loại, khả năng cạnh tranh trên thị trường không cao.

Vì vậy công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động trở nên rất cần thiết đối với các làng nghề trong tỉnh hiện nay. Các cơ quan có thẩm quyền cần phối hợp với các cơ sở, các trung tâm dạy nghề tổ chức dạy nghề cho đại diện các hộ trong làng nghề và những hộ có đại diện đó sẽ chỉ nghề lại cho các hộ và cá nhân khác. Bên cạnh đó, địa phương cần chọn đại diện hộ trong làng nghề đi tập huấn, tham quan học hỏi kinh nghiệm làm nghề ở các địa phương khác. Đồng thời, hàng năm mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức quản lý sản xuất cho các hộ. Muốn có được nguồn lao động có trình độ cao, cần chú ý đến các vấn đề sau: mở rộng đối tượng được đào tạo nghề, tăng thời gian học nghề (trong đó chú ý đến thời gian thực hành), có chính sách trợ cấp để kích thích người học.

- Chính sách tài chính và tín dụng cho làng nghề: Vốn là yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động sản xuất làng nghề, đối với các làng nghề trong tỉnh chủ yếu sử dụng vốn lưu động. Nhưng nghiên cứu cho thấy có 46,72% hộ ở các làng nghề muốn tiếp cận nguồn vốn ngân hàng với lãi suất thấp nhưng không vay được lý do chủ yếu là hộ không được bảo lãnh trong việc vay, không có tài sản thế chấp, các hộ làng nghề mộc gia dụng và làng nghề rèn hoạt động đòi hỏi lượng vốn lớn nên cũng gây khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng... Chính vì thế nhiều hộ không được vay đủ vốn sản xuất muốn hoạt động thì hộ phải đi vay tư nhân với lãi suất cao. Điều này ảnh hưởng ít nhiều đến khả năng hoạt động và thu nhập hộ tham gia làng nghề. Vì vậy, cần giải quyết các vấn đề sau: (i) Địa phương cần bảo lãnh cho hộ sản xuất được tiếp cận với nguồn vốn vay của ngân hàng với lãi suất thấp nếu hộ cần vốn; (ii) Hỗ trợ vốn vay với lãi suất ưu đãi để hộ sản xuất đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất, đào tạo nghề cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm làng nghề; và (iii) Cần phải có cơ chế vay vốn thông thoáng hơn cho các hộ sản xuất tiếp cận để phát triển, ổn định sản xuất.

4. Kết luận

Các làng nghề trên địa bàn Bạc Liêu đã được hình thành và phát triển từ rất lâu đời, đã góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế tỉnh. Trong thời gian qua hệ thống các

làng nghề đã góp phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nhất là giải quyết việc làm cho một lực lượng lao động nông nhân, khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ, tăng thu nhập cho người lao động, các làng

nghề đóng vai trò to lớn trong công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương và làm giảm các tệ nạn xã hội ở nông thôn■

GHI CHÚ

[1] Theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/7/2005 về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anthony E. Boardman, David H. Greenberg, Aidan R. Vining and David L. Weimer (2001), *Cost – Benefit Analysis: Concepts and Practice*, Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ 07458.

Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, *Thông tư số 116/2006TT-BNN*, ngày 18/12/2006.

Hiệp hội làng nghề VN, Sở Công thương tỉnh Trà Vinh (11/2010), *Kỷ yếu hội thảo phát triển làng nghề Đồng bằng sông Cửu Long, lần II*.

Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê.

Mai Văn Nam (2008), *Kinh tế lượng*, NXB Văn hóa Thông tin.

Phòng Quản lý công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp, Sở Công thương tỉnh Bạc Liêu (2010), “Tình hình phát triển làng nghề, nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh”.

UBND tỉnh Bạc Liêu, *Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 13/10/2008 về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2008 – 2012*.